TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 355/2017/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 20 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 306/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Nguyễn Minh S, sinh năm 1986;

Trú tại: Ấp Th, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm 1990;

Hộ khẩu thường trú: Ấp Th, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: Ấp V, xã L1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1986; trú tại: Ấp Th, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang với chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: Ấp Th, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Chỗ ở: Ấp V, xã L1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh S với chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Anh S với chị L có 01 con chung tên là Nguyễn Nhựt Gia B, sinh ngày 06/8/2014, đang sống với chị L. Anh S và chị L thỏa thuận, thống nhất giao cháu B cho chị L tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhựt Gia B mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định theo từng thời điểm (tại thời điểm giải quyết ½ mức lương tối thiểu là 650.000đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có.

- Về án phí:

+ Anh S tự nguyện nộp toàn bộ 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 38914 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên anh S đã nộp xong án phí.

+ Chị L không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30. Luật thi hành án dân sự"./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Đỗ Thị Thu Ngoan